

Đi làm ăn xa - phương thức tăng thu nhập gia đình

(Qua nghiên cứu thực tiễn tại xã Trịnh Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam)

NGUYỄN NGỌC DIỄM
NGUYỄN THỊ MINH CHÂU

Đi làm ăn xa - một hình thức của di cư vì mục tiêu kinh tế - được xem là một trong những chiến lược sinh tồn; nói cách khác, là vì sự mong muốn cải thiện đời sống của con người (xem thêm D.S. Massey: 1990, Pernia: 1994, v.v...), đặc biệt là đối với người sống ở các vùng chịu nhiều hạn chế về kinh tế, cũng như hạn chế về các cơ hội phát triển khác. Sự phát triển không đồng đều giữa các vùng, các địa phương, nhất là giữa thành thị và nông thôn đã làm tăng khoảng cách thu nhập và cơ hội việc làm giữa các nơi. Trong điều kiện của nền kinh tế mở, khoảng cách địa lý đã không còn là vấn đề quan trọng. Con người có thể đến bất cứ nơi nào có thể nhằm có cuộc sống tốt hơn, mà nơi địa phương do các điều kiện đặc thù không thể đáp ứng đủ mức sống cá nhân và gia đình của họ. Họ không chỉ vì những nhu cầu cơ bản như ăn, mặc, ở, v.v... mà còn vì một nhu cầu rất quan trọng khác, đó là phát triển (tiếp cận các điều kiện giáo dục, tiếp cận thành tựu khoa học - kỹ thuật, hưởng thụ văn hóa, v.v...).

Trong nghiên cứu về “Các nguồn gốc xã hội và kinh tế của nhập cư”, D.Massey đi đến kết luận rằng, di cư là một chiến lược “đa dạng hóa và làm giảm rủi ro cho thu nhập hộ gia đình” (Massey: 1994). Nghiên cứu của UNDP (1998) cũng cho thấy, những người di cư có sự đóng góp nhất định cho kinh tế hộ gia đình. Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ cho thấy mức độ đóng góp chủ yếu tập trung ở những hộ trung bình; còn những hộ nghèo, hộ khá và giàu thì hầu như thu nhập không tăng mấy. Nghiên cứu không lý giải vì sao, mà chỉ dừng lại ở việc mô tả sự khác biệt ở mức đóng góp giữa các nhóm hộ có người di cư. E. M. Pernia, khảo sát tình hình di cư nông thôn - đô thị, cho kết quả là việc di cư từ nông thôn ra đô thị đã giúp cho việc giảm nghèo ở nông thôn (Pernia: 1994). Nghiên cứu của Nguyễn Văn Chính cũng cho biết kết quả tương tự, rằng di cư nông thôn - đô thị mang lại những chuyển đổi về mặt đời sống xã hội tại vùng quê gốc của những hộ gia đình có người xuất cư như mức sống, cơ hội việc làm,...

Các nghiên cứu đã cho thấy những đóng góp của di cư ở vùng nông thôn, tuy nhiên, các tác giả phần nhiều đặt mối quan tâm vào nơi đến, những vấn đề của xã hội như: tội phạm, nhà ở, dân số, v.v... Thực tế, di cư cần được xem xét từ nguồn gốc, từ những động thái và cả những hệ quả của quá trình. Bởi vì đối với người di cư,

những vấn đề họ quan tâm đầu tiên là liệu nơi nào có thể có điều kiện để họ có thể tìm việc làm và nguồn thu nhập tốt hơn? Việc di cư có thể giúp ích như thế nào đối với cá nhân và gia đình của họ? Nếu chỉ đơn thuần mang lại các hậu quả xấu thì di cư đã không diễn ra.

Giả thuyết của chúng tôi cho vấn đề nghiên cứu là người làm ăn xa ở Trịnh Xá, xuất phát từ nguyên nhân khó khăn về kinh tế, sự hạn chế của nguồn thu nhập ở nông thôn, nên phải đi. Yếu tố quyết định đi làm ăn xa và mức độ đóng góp thu nhập cho gia đình phụ thuộc vào các yếu tố đặc trưng cá nhân như tuổi, giới tính, học vấn, tình trạng hôn nhân, khoảng cách di chuyển, và tình trạng gia đình.

Để tìm hiểu rõ hơn về tác động của di cư đến kinh tế hộ gia đình, chúng tôi đã tiến hành điều tra khảo sát tại tám thôn thuộc xã Trịnh Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam vào tháng 8 năm 2003. Trịnh Xá là một xã thuộc huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, cách trung tâm huyện Bình Lục 7 km về phía Bắc. Xã Trịnh Xá có diện tích tự nhiên khoảng 601 ha, có tổng số hộ là 1289 hộ, bao gồm 5364 nhân khẩu. Người dân Trịnh Xá sống chủ yếu bằng nghề nông (trồng lúa và chăn nuôi), ngoài ra còn có các “nghề phụ” (nghề thủ công) như làm mộc, xây dựng, thêu; một số hộ gia đình cũng có hoạt động phi nông nghiệp như làm bánh cuốn, xay sát, cho thuê máy móc, nông nghiệp, v.v... nhưng nhìn chung các hoạt động ngoài nông nghiệp chiếm không đáng kể. Trịnh Xá được xem là 1 trong 4 xã khó khăn nhất huyện. Theo số liệu cung cấp của xã năm 2003, số hộ nghèo còn chiếm 135 hộ (9%). Theo Báo cáo Chương trình xoá đói giảm nghèo giai đoạn 2001 - 2005 của xã, có nhiều nguyên nhân dẫn đến đói nghèo, nhưng chủ yếu là do tình trạng kinh tế còn thấp kém, điều kiện sản xuất hạn chế, chất lượng cuộc sống thấp do: thiếu lao động (13,3%), đông người ăn (11,6%), thiếu đất (6,4%), thiếu vốn sản xuất (24,9%), và nhà có người ốm (23,1%). Một trong những biện pháp cải thiện tình trạng khó khăn hiện nay của các hộ gia đình là đi làm ăn xa.

Để tìm hiểu tác động từ đóng góp của người đi làm ăn xa tại Trịnh Xá, chúng tôi khảo sát tổng số mẫu được chọn ngẫu nhiên là 286 hộ gia đình (1256 nhân khẩu) cho bảng hỏi định lượng; 5 cuộc thảo luận nhóm, trong đó 4 cuộc thảo luận nhóm thực hiện đối với hộ gia đình (mỗi thảo luận nhóm từ 7 đến 8 thành viên đại diện cho 7 hộ gia đình), và 1 thảo luận nhóm thực hiện với 8 trưởng thôn; và 4 phỏng vấn sâu. Để hiểu rõ hơn một số vấn đề, vào tháng 01 năm 2004, chúng tôi đã quay trở lại Trịnh Xá và thực hiện thêm 40 phỏng vấn sâu rải đều tại tất cả 8 thôn của xã. Đối tượng chúng tôi tiến hành nghiên cứu ở đây được gọi là người làm ăn xa (làm ăn xa). Như vậy, ngay từ ban đầu chúng tôi đã xác định mẫu nghiên cứu là những người di cư xuất phát từ động cơ kinh tế; hoặc cho dù kinh tế không là động cơ chính thì những cá nhân này vẫn là những người rời quê đến nơi khác để có việc làm và thu nhập. Nói cách khác, người làm ăn xa là một phần trong nhóm di cư. Sự khác biệt ở chỗ, nếu những người di cư là người di chuyển từ địa phương này đến địa phương khác vì nhiều lý do như vì kinh tế, vì thiên tai, kết hôn, đoàn tụ gia đình, thuyền chuyển công tác, v.v... thì người làm ăn xa cũng là những người di chuyển từ địa phương này đến địa phương khác, nhưng giới hạn ở những điều kiện như: vẫn là

thành viên của hộ gia đình (chưa tách hộ), có khả năng lao động, có việc làm và thu nhập; việc đi làm xa chỉ mang tính chất di cư tạm thời, và những người làm ăn xa vẫn giữ sự liên hệ với gia đình quê gốc chặt chẽ.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi chủ yếu tìm hiểu hai vấn đề chính: 1. Đặc trưng chủ yếu của những người đi làm ăn xa (tuổi, giới tính, học vấn, tình trạng hôn nhân, tình trạng kinh tế, nơi đến, v.v.); 2. Mức độ tác động đến kinh tế hộ gia đình từ việc đi làm ăn xa (chủ yếu mức độ đóng góp thu nhập gia đình). Chúng tôi tìm hiểu hai vấn đề này với nhau để xem liệu những đặc trưng cá nhân có chi phối mức độ tác động đến kinh tế gia đình không? Mức độ tác động như thế nào? Theo *Lý thuyết về quyết định di cư*, các cá nhân di cư chủ yếu vì những lý do kinh tế và mang hy vọng có thể tìm thấy những nguồn lợi từ quá trình di cư đem lại. Tuy nhiên, việc quyết định di cư phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như ngoài những đặc trưng cá nhân (tuổi, giới tính, tình trạng hôn nhân, v.v...), còn có các yếu tố như tình trạng khó khăn của nơi ra đi (lực đẩy), sự thuận lợi của nơi đến (lực hút), mạng lưới xã hội, v.v... Tuy nhiên, từ động cơ làm ăn xa, những người làm ăn xa làm thế nào để có thể chia sẻ nguồn thu nhập có được để đóng góp cho gia đình ở quê gốc? Trong các nghiên cứu về di cư ủng hộ *Thuyết quan hệ nhân quả - tích lũy*, thường cho thấy những người di cư phải tập trung vào những khu nhà ổ chuột, hoặc những khu tập thể chật chội, phải chi tiêu thật tiết kiệm để có thể tích lũy gửi về cho gia đình; mức độ đóng góp cho thấy có liên quan đến động cơ di cư ban đầu.

Những kết quả mà chúng tôi có được qua hai lần thu thập thông tin tại Trịnh Xá về làm ăn xa cho thấy, có khoảng 44,7% các hộ gia đình tại đây có người đi làm ăn xa, số người làm ăn xa chiếm khoảng 23,2%¹ tổng số lao động của xã. Do phạm vi khái niệm đi làm ăn xa của nghiên cứu có ít khác biệt so với khái niệm di cư, nên cũng khó so sánh mức độ đi làm ăn xa ở Trịnh Xá với các nơi khác. Nhưng so với kết quả nghiên cứu di cư vì kinh tế nói chung thì mức làm ăn xa ở Trịnh Xá không có sự cách biệt mấy².

Đặc trưng phổ biến những người làm ăn xa.

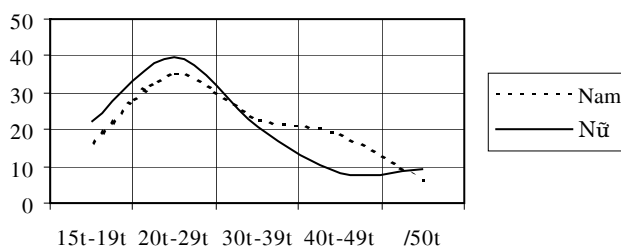
Những người làm ăn xa hầu hết nằm trong tuổi lao động (89%); tập trung nhiều nhất ở nhóm tuổi từ 20 - 39 (59%). Nam giới nhìn chung có xu hướng đi làm ăn xa nhiều hơn so với nữ giới. Điều này có thể vì những người làm ăn xa nam có những thuận lợi hơn so với nữ, chẳng hạn như việc lao động, điều kiện sống xa nhà. Vả lại, công việc ở nhà người phụ nữ đảm đương cũng có nhiều thuận lợi hơn, như việc nuôi dạy con cái, quán xuyến các công việc nội trợ, và ngay cả việc làm nông. Thông tin từ phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm cho thấy, những người làm ăn xa, đặc biệt theo vụ mùa đến Hà Nội thường tập trung vào những chỗ ọp ẹp, điều kiện sinh hoạt rất hạn chế, với mục tiêu sao có thể dành dụm được nhiều tiền gửi về gia đình. Phần lớn

¹ Tuổi lao động của nam là từ 15 đến 60, đối với nữ là từ 15 đến 55 tuổi

² Theo kết quả điều tra tại Viện Khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh trong chương trình nghiên cứu "*Vấn đề giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa ở thành phố Hồ Chí Minh*" năm 1998 tại Long An và Quảng Ngãi cho thấy tỷ lệ di cư vì kinh tế 13,4%. Còn kết quả của điều tra mức sống dân cư Việt Nam 1997 - 1998, mức độ di cư vì lý do kinh tế là 17,8%.

những gia đình có người làm ăn xa, và các cá nhân làm ăn xa cũng cho biết rằng ngay cả việc đồng áng, trừ lúc thu hoạch là phải cần sức vác lúa, còn phần lớn các công việc như cấy, gặt, nhổ cỏ,... đều phù hợp hơn với phụ nữ. Nhưng họ không cảm thấy khó khăn trong vấn đề này, vì liên quan đến công việc nặng nhọc như thế thường chiếm thời gian rất ít trong mùa vụ, những người làm ăn xa có thể thu xếp về giúp gia đình, hoặc họ sẵn sàng chi tiền để thuê mướn người khác. Một yếu tố mà phần lớn người làm ăn xa thừa nhận là phụ nữ ở nhà thuận lợi hơn rất nhiều so với đàn ông trong việc nuôi con cái. Có lẽ đây là lý do vì sao mà kết quả điều tra của chúng tôi cũng cho thấy trong nhóm tuổi từ 30 - 39, tỷ lệ nam và nữ làm ăn xa tương đối ngang nhau; nhưng dưới 29 tuổi thì nữ có xu thế làm ăn xa nhiều hơn (62%), còn nam làm ăn xa dưới 29 tuổi là 51,8%; trong khi đó, từ trên 40 tuổi, tỷ lệ nữ làm ăn xa rất thấp (17,4%), còn nam làm ăn xa tuổi này là 25,5%. Giả định của chúng tôi, là ở dưới tuổi 29, phần lớn phụ nữ chưa kết hôn, hoặc chưa có con nhỏ, nên có khuynh hướng đi làm ăn xa nhiều; nhưng từ 30 - 49 tuổi trở đi, có sự ràng buộc từ phía gia đình, con cái nên phụ nữ đi làm ăn xa có khuynh hướng giảm dần; và từ sau 50 tuổi, do con cái đã lớn, nên nữ làm ăn xa lại có khuynh hướng tăng?

Bảng 1. Tương quan giữa nhóm tuổi và giới tính của người làm ăn xa



Nguồn: Khóa Đào tạo phương pháp Khoa học xã hội liên ngành 2003.

Có thể do độ tuổi những người làm ăn xa tương đối cao, nên số lượng người kết hôn chiếm tỷ lệ một nửa (49,1%). Đa phần trong số họ có học vấn từ lớp 7 đến lớp 9 (74,2%), trung bình học vấn của mọi cá nhân là 8,7 lớp.

Những người làm ăn xa thường có xu hướng tìm đến các khu đô thị, nơi có kinh tế phát triển hơn nông thôn, có thể giúp họ tìm được việc làm và có thu nhập đáng kể hơn cả³. Do điều kiện địa lý không cách xa Hà Nội, nên những người làm ăn xa từ Trịnh Xá đã xem Hà Nội là chốn thuận tiện cho mục đích mưu sinh. Kết quả điều tra cho thấy, người làm ăn xa đến Hà Nội có tới 67,6%; các tỉnh thành khác thu hút thấp hơn, với khoảng 26,2%; tỷ lệ làm ăn xa trong phạm vi của tỉnh chiếm một tỷ lệ rất ít (4,1%). Điều này cho thấy đô thị vẫn là nơi có sức thu hút hấp dẫn nhất đối với những người làm ăn xa.

Những người làm ăn xa làm nhiều công việc khác nhau, có công việc phù hợp với nghề nghiệp mà họ có (thường là những nghề truyền thống của gia đình, của họ

³ Nghiên cứu của UNDP (12/1998) và kết quả điều tra của Tổng cục thống kê (2001) đều cho thấy lượng di cư đổ về thành phố Hồ Chí Minh là cao nhất, kế đó là Hà Nội.

tộc hoặc của làng); nhưng cũng có người làm các công việc mà họ chưa từng biết đến, nhưng hầu hết là các công việc tự do, những người làm ăn xa cũng rất dễ thay đổi công việc của họ. Tuy rằng họ cũng chọn một công việc chủ yếu, nhưng trong nhiều trường hợp, nếu tìm thấy công việc gì đó có thể làm được, họ cũng có thể đảm nhận tạm thời.

Tại sao những người dân ở Trịnh Xá phải đi làm ăn xa?

Những người đi làm ăn xa chủ yếu vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, cuộc sống nông thôn còn nhiều hạn chế; hoạt động sản xuất còn thấp, chủ yếu là nông nghiệp, nhưng lại chịu chi phối bởi điều kiện khí hậu ngặt nghèo. Những khó khăn ở nông thôn là động thái khiến những người dân nơi đây xem đi làm ăn xa là một cách mưu sinh. Trong các phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm, hầu như các ý kiến đều xoay quanh những hạn chế về hoạt động sản xuất và thu nhập ở nông thôn đã dẫn đến đi làm ăn xa, như một trưởng thôn cho biết:

"... căn cứ tình hình cụ thể của các thôn xóm, của đồng bằng Sông Hồng nói chung, tỉnh Hà Nam nói riêng, thì cò nghèo lắm (...); đồng bằng chiêm trũng (...) chúng tôi nghèo lắm nên bắt buộc phải ra đi. Vì nhu cầu cuộc sống thôi. Thế trong cuộc sống xã hội ngày nay, nhất là kinh tế thị trường, người nông dân (...) hết thời gian làm ruộng, ở nhà rồi thì ngày kiếm lấy ba nghìn, năm nghìn cũng rất quý. (...) Trong cuộc sống thì không thể hít khí trời mà sống được, phải có tiền, mà trong đó có nhiều vấn đề chi tiêu, nhất là vấn đề con cái học hành ngày nay..." (Một trưởng thôn ở Trịnh Xá, thảo luận nhóm - TT).

Trong quá trình nghiên cứu, quan sát được chúng tôi nhận thấy, ở Trịnh Xá hoạt động nông nghiệp chưa tiếp cận nhiều đến máy móc, nhiều hộ cho thuê máy, cho cày xới, nhưng với một số hộ vẫn sử dụng sức trâu, bò; tận dụng phân chuồng làm phân bón. Ngoài ra, các công việc gieo trồng, gặt hái khác đều phải làm thủ công, tận dụng sức người... Đồng thời lại chịu điều kiện khí hậu khắc nghiệt, nhiều loại sâu bệnh phát triển,... do đó hiệu quả từ sản xuất nông nghiệp thấp.

Khó khăn về kinh tế là lực đẩy chính để người dân nơi đây tìm phương án cho nguồn thu nhập của họ. Mặc dù, việc đi xa gây không ít những khó khăn đối với bản thân người làm ăn xa, ngay cả phía gia đình của họ cũng phải đối mặt với một số khó khăn nhất định, chẳng hạn như khi cần có người đàn ông cho các công việc nặng nhọc trong gia đình, hoặc giải quyết các vấn đề của họ tộc,... Trong các phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm, trường hợp người phụ nữ đi làm ăn xa thì phụ nữ phải gánh vác rất nhiều việc, từ việc đồng áng, nuôi dạy con cái, công việc nhà, đến các việc đối ngoại của gia đình, v.v...

Nhưng dù phải đối mặt với những khó khăn, người dân vẫn chọn đi làm ăn xa như một phương thức cải thiện cuộc sống. Bởi vì làm ăn xa đã mang lại nguồn thu nhập nhất định mà công việc sản xuất ở nông thôn, dù phải lao động cực nhọc, không thể mang lại hiệu quả như thế. Những người làm ăn xa hầu như thuộc các hộ gia đình thuần nông nghiệp, cùng với tính chất nông nghiệp đặc thù của vùng đồng bằng

sông Hồng nói chung, hoạt động nông nghiệp ở đây chỉ có thể tiến hành một năm hai mùa⁴, những người nông dân có thể tận dụng thời gian nông nhàn để đi tìm kiếm việc làm, để có thêm thu nhập.

Tác động của đi làm ăn xa đến kinh tế hộ gia đình

Do tính chất thời vụ của đi làm ăn xa tại Trịnh Xá, nên có thể nói rằng dù phải vắng mặt thường xuyên do dành thời gian cho việc đi làm xa, hoạt động sản xuất nơi đây hầu như vẫn được đảm bảo. Thường những người làm ăn xa tới mùa vụ lại về, xong việc đồng áng tranh thủ thời gian rảnh rỗi để đi làm. Công việc của họ là những công việc tự do, nên họ có thể ngưng lại vào bất cứ khoảng thời gian nào cần thiết cho việc làm của họ. Sau khi xong việc đồng áng, việc gia đình thì họ có thể tìm lại việc khá dễ dàng. Một yếu tố hỗ trợ rất lớn cho sự thuận lợi này chính là ở đây có mạng lưới xã hội giữa những người làm ăn xa khá chặt chẽ. Họ không chỉ giúp đỡ, giới thiệu, đưa nhau đi làm ăn xa; mà còn hỗ trợ nhau trong quá trình làm ăn xa, từ việc ăn, sinh hoạt hàng ngày, đến việc giới thiệu cho nhau các công việc cần thiết. Tính chất cấu kết cộng đồng, họ tộc ở vùng Bắc Bộ nói chung, ở Trịnh Xá nói riêng cũng góp phần hỗ trợ nhau trong việc đồng áng, giúp đỡ nhau các công việc của gia đình. Điều này giúp cho những người làm ăn xa cảm thấy yên tâm hơn trong thời gian vắng nhà.

Trong khi đó, đi làm ăn xa đã mang đến cho các gia đình hiệu quả kinh tế đáng kể. Theo kết quả điều tra, có 82% số hộ có nhận tiền đóng góp từ người làm ăn xa; chỉ có 18% số hộ còn lại không nhận được đóng góp. Việc không nhận đóng góp này có nhiều lý do. Qua khảo sát điều tra cho thấy, một số cá nhân chỉ mới bắt đầu đi làm ăn xa trong thời gian ngắn, chưa thể đóng góp. Một số đi xa hơn, nhưng khoảng cách đi đến xa như miền Trung, miền Nam thì chưa có điều kiện đóng góp, trong đó có một phần vì xa xôi, chưa có điều kiện về thăm nhà.

Các cá nhân làm ăn xa có nguồn thu nhập bình quân từ 400 ngàn đồng đến 600 ngàn đồng một tháng. Sau khi trừ chi phí ăn ở, đi lại, và thậm chí tích trữ phần nào, những người làm ăn xa vẫn có thể đóng góp cho gia đình. Trung bình những hộ có người làm ăn xa nhận tiền đóng góp vào thu nhập gia đình khoảng 265.117 đồng một tháng. Do bảng hỏi được thiết kế lấy tổng thu nhập làm ăn xa cả năm, nên chúng tôi chia bình quân hàng tháng. Thực tế, những người làm ăn xa thường chỉ đi làm chính thức trong khoảng từ 4 - 6 tháng, vì thời gian còn lại họ phải lo việc gia đình và đồng áng. Dù sao đi nữa, so với mức thu nhập bình quân của cá nhân trong nông thôn, nơi nguồn thu nhập chủ yếu chỉ trông cậy vào nông nghiệp, thì mức thu từ làm ăn xa này vẫn chiếm một tỷ trọng đáng kể; đóng góp của người làm ăn xa chiếm 36,9% cho tổng thu nhập của cả hộ gia đình. Nếu như chú ý đến yếu tố “nông nhàn”,

⁴ Có lẽ do đặc thù nông nghiệp, di cư theo vụ mùa từ nông thôn ra thành thị ở vùng đồng bằng Bắc Bộ khá cao so với vùng đồng bằng Nam Bộ, nơi có thể canh tác một năm 3 vụ lúa, bên cạnh đó nghề làm vườn và trồng hoa màu cũng khá phát triển. Tổng điều tra dân số và Nhà ở Việt Nam 1999 cho thấy, tình trạng mất dân do di cư tương đối cao ở các khu vực đồng bằng sông Hồng và Bắc trung Bộ. Số liệu của UNDP (12/1998) cho thấy di cư tạm thời (temporary migrants) đến Hà Nội từ các tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng chiếm 71%. Trong khi ở thành phố Hồ Chí Minh, nơi thu hút lượng nhập cư cao nhất nước, thì vùng nông nghiệp lân cận là đồng bằng sông Cửu Long có lượng nhập cư theo mùa vụ mùa vào khá ít. Còn nhập cư từ vùng xa, hầu như không có khả năng mang tính mùa vụ, như từ miền Bắc đi vào thì có đến 20%.

thì thời gian làm ăn xa gần như là thời gian nhàn rỗi ở nông thôn, hầu như không có hoặc rất ít thu nhập, thì mức đóng góp từ làm ăn xa có một ý nghĩa rất lớn, như một nông dân có vợ làm ăn xa ở thôn Bùi cho biết:

“(...) bây giờ nếu mà nông thôn cứ khó khăn như thế này có khi nguồn thu nhập từ bên ngoài là chính. Tại vì sao thế? Nhà người ta có thể làm hàng tháng, (...) chi phí sinh hoạt sà phòng, mắm muối, còn độ khoảng năm, sáu trăm. Như nông thôn này một tháng mình cấy ruộng có dư thừa năm sáu trăm không?... chắc điều đó không có đâu... Nên có khi người ta phải đi ra ngoài kiếm sống là chính”. (Một nông dân có vợ đi làm ăn xa ở thôn Bùi, thảo luận nhóm B).

Khi khảo sát về các ý kiến đối với việc liệu đi làm ăn xa có thể kiếm nhiều tiền hơn ở nhà không, thì phần lớn những người trả lời bày tỏ sự đồng ý (79,7%); một phần nhỏ thì cho rằng tuy, một phần không đồng ý. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng người làm ăn xa cũng gặp phải những rủi ro nhất định so với ở nhà (40,6% bày tỏ sự đồng ý; 42,4% không đồng ý; 14% cho rằng tùy⁵).

Các thông tin có được từ những ghi chép thực địa, các thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu cho rằng, sở dĩ những người làm ăn xa ít gặp rủi ro vì đa số họ đi vào mùa vụ, khoảng cách đi gần. Một yếu tố hỗ trợ cho họ ít gặp rủi ro trong quá trình làm ăn xa là “mạng lưới xã hội”. Sự gắn kết mối quan hệ cộng đồng làng xã, thân tộc đã giúp họ không chỉ thông tin việc làm, nơi đến mà còn trong suốt quá trình làm ăn xa. Chính các yếu tố này, xét ở khía cạnh thu nhập của hộ gia đình, chẳng những đi làm ăn xa được giảm thiểu rủi ro, mà thu nhập hộ cũng được “đa dạng hóa” (Khái niệm của Massey et al: 1990) bằng những nguồn thu ngoài nông nghiệp. Đây cũng là một trong những yếu tố thúc đẩy làm ăn xa ở Trịnh Xá ngày một tăng.

Tuy rằng kết quả nghiên cứu cho thấy những người đi làm ăn xa đa số đều có đóng góp cho thu nhập gia đình, nhưng theo từng đặc trưng cá nhân những người làm ăn xa có được, mức đóng góp và tính chất thường xuyên có sự khác biệt (xem thêm UNDP 12/1998). Cuộc điều tra chỉ có thông tin chung về tổng tiền đóng góp chứ không có thông tin số tiền đóng góp của từng cá nhân. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy những đặc trưng cá nhân làm ăn xa có tác động đến việc họ có đóng góp cho thu nhập gia đình hay không, và mức độ thường xuyên đóng góp như thế nào. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ có gửi tiền giữa nam và nữ là tương đối như nhau (69,1% đóng góp dưới hàng tháng thấp hơn, chỉ 38,5% làm ăn xa trên 50 tuổi, 20,3% làm ăn xa từ 20 - 29 tuổi và 25% làm ăn xa dưới 20 tuổi đóng góp hàng tháng, trong khi phần nhiều trong số này đóng góp hàng năm).

Trong khi kết quả điều tra cho thấy người làm ăn xa trong độ tuổi từ 30 đến 45 có tỷ lệ cá nhân đóng góp cao nhất và cũng thường xuyên nhất, nhưng nữ làm ăn xa trong nhóm tuổi từ 30 - 49 chỉ có 28,6%, còn nam làm ăn xa trong độ tuổi này chiếm tới 50,9%.

Cũng có thể, vì những người làm ăn xa có độ tuổi tương đối lớn, và ở độ

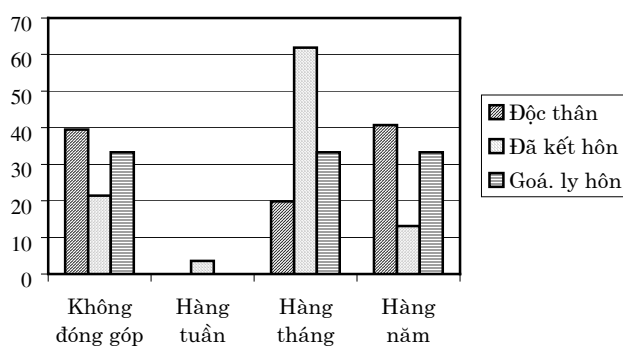
⁵ “Tùy” ở đây được hiểu là tùy cá nhân làm ăn xa, tùy hoàn cảnh và tùy nơi đến.

thường xuyên đóng góp cũng tập trung ở độ tuổi từ 30 - 49, nên kết quả điều tra cho thấy, những người có đóng góp và đóng góp thường xuyên chủ yếu có mức học vấn cấp hai (48,5%). Người làm ăn xa càng có học vấn cao cho thấy có khuynh hướng đóng góp và đóng góp thường xuyên càng thấp. Sở dĩ đặt ra vấn đề cần xem này có liên quan đến điều kiện kinh tế xã hội vùng Bắc Bộ những năm trước. Do tình trạng kinh tế khó khăn, nên trình độ học vấn của người dân nông thôn nơi đây còn thấp. Kết quả điều tra cho thấy, những người có trình độ học vấn tương đối từ cấp ba đến trên cấp ba chủ yếu tập trung vào giới trẻ (dưới 25 tuổi, chiếm khoảng 82,1%); học vấn thấp tập trung vào nhóm già; còn nhóm học vấn ở cấp hai chủ yếu ở nhóm tuổi từ trên 25 dưới 50 tuổi. Đây là nhóm tuổi có nhiều người đi làm ăn xa, có tỷ lệ người không đóng góp cao (64,1%), và cũng là nhóm cho thấy thường xuyên đóng góp.

Nếu đúng như giả thuyết này thì học vấn không biểu thị tác động đến sự đóng góp của người làm ăn xa tại Trịnh Xá, mà yếu tố tác động lớn nhất có thể là tình trạng hôn nhân và giới tính của họ. Vì từ trên 30 tuổi, phần lớn những người làm ăn xa đã có gia đình. Sự đóng góp chịu chi phối bởi trách nhiệm họ đang gánh vác. Còn đối với nam làm ăn xa, đa số họ có vai trò khác nữa, là người chủ kinh tế gia đình.

Kết quả điều tra cho thấy hầu như những người đã kết hôn có đóng góp cho thu nhập của gia đình, trong khi chỉ có 1/2 số người làm ăn xa còn độc thân có đóng góp cho gia đình của họ. Mức độ đóng góp thường xuyên của người đã kết hôn cũng cao hơn, có 65,5% người làm ăn xa đã kết hôn thường xuyên gửi tiền về từ dưới hàng tháng đến hàng tháng, và 3,1% người làm ăn xa đã kết hôn gửi tiền hàng năm; trong khi đó, tỷ lệ người làm ăn xa chưa kết hôn gửi về từ dưới hàng tháng chỉ có 19,8%, còn phần lớn gửi tiền về hàng năm.

Bảng 2. Người làm ăn xa có đóng góp tiền theo tình trạng hôn nhân



Nguồn: Khóa Đào tạo phương pháp nghiên cứu Khoa học xã hội liên ngành 2003

Chúng tôi đã tiến hành chạy hội quy đa biến nhằm xem xét những tác động từ những đặc trưng cá nhân của người làm ăn xa đến việc họ có đóng góp hay không, và mức độ đóng góp thường xuyên như thế nào. Kết quả cho thấy những yếu tố tác động đến việc có đóng góp thu nhập hay không như sau:

Bảng 3. Binary Logistics Biến phụ thuộc: "Có thường xuyên gửi tiền về không"

Biến độc lập (Independent variables)	Significance (Sig.)	Nagelkerke R ²
Người làm ăn xa có vợ/chồng	.0000	.222
Số thế hệ trong hộ	.0020	.270
Số nhân khẩu trong hộ	.0053	.327
Người làm ăn xa không thường xuyên về thăm nhà	.0165	.359
Người làm ăn xa về thăm nhà hàng tuần	.0461	.387
Constant	.3604	

Nguồn: Khóa Đào tạo phương pháp nghiên cứu Khoa học xã hội liên ngành 2003

Kết quả hồi quy cho thấy, việc đóng góp của người làm ăn xa cho thu nhập gia đình quê gốc không phải chịu ảnh hưởng bởi tất cả các yếu tố của đặc trưng cá nhân người làm ăn xa, mà ủng hộ cho giả thuyết ban đầu chỉ có tình trạng hôn nhân và khoảng cách di chuyển, do đó ảnh hưởng đến mức độ về thăm nhà của người làm ăn xa. Điều gây bất ngờ là sự ảnh hưởng bởi hai yếu tố này khá lớn. Bên cạnh đó, kết quả cho thấy, số thế hệ và số nhân khẩu trong hộ gia đình của người làm ăn xa có sự chi phối, tác động khá cao đối với mức độ thường xuyên gửi tiền về gia đình.

Hiệu quả từ đóng góp do làm ăn xa đến kinh tế hộ gia đình quê gốc đã góp phần đến giảm nghèo và giảm thiểu những rủi ro của điều kiện kinh tế tiểu nông ở các hộ gia đình ở Trịnh Xá. So sánh các hộ có người đi làm ăn xa và nhóm hộ không có người đi làm ăn xa, kết quả cho thấy các hộ không có người đi làm ăn xa rơi vào các nhóm hộ có thu nhập dưới trung bình và thấp tương đối cao (44,9%); nhóm có thu nhập trung bình đến cao của nhóm không làm ăn xa chỉ có 55,1%. Trong khi đó, các hộ có người đi làm ăn xa phần nhiều thuộc nhóm thu nhập từ trung bình trở lên (72,6%), chỉ có 27,4% rơi vào nhóm có thu nhập dưới trung bình và thấp.

Bảng 4. So sánh 5 nhóm thu nhập giữa hộ có làm ăn xa và không có làm ăn xa

		5 nhóm thu nhập - so sánh giữa làm ăn xa và không làm ăn xa					Tổng cộng
		Thấp	Dưới trung bình	Trung bình	Trên trung bình	Cao	
Nhóm không làm ăn xa	Số lượng	42	29	23	31	33	158
	% theo nhóm thu nhập	26.6	18.3	14.6	19.6	20.9	100.0
Nhóm có làm ăn xa	Số lượng	12	23	29	30	34	128
	% theo nhóm thu nhập	9.4	18.0	22.6	23.4	26.6	100.0
Tổng số	Số lượng	54	52	52	61	67	286
	% theo nhóm thu nhập	18.4	18.2	18.2	21.3	23.4	100.0

Nguồn: Khóa đào tạo phương pháp nghiên cứu Khoa học xã hội liên ngành 2003

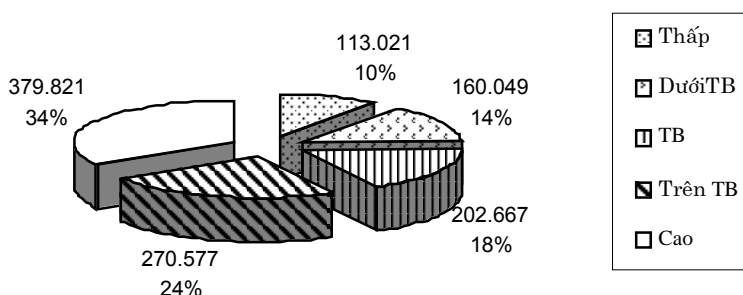
Kết quả điều tra cũng cho thấy rằng, ở các hộ gia đình có người làm ăn xa, nhóm hộ có thu nhập càng cao thì càng có khuynh hướng nhận được đóng góp từ làm ăn xa. Mặt khác, kết quả Bảng 6 cũng cho thấy ở các nhóm hộ có thu nhập càng cao thì số tiền bình quân đóng góp hàng tháng của các cá nhân làm ăn xa cũng càng nhiều. Khoảng cách đóng góp giữa nhóm thu nhập cao so với nhóm thu nhập thấp cách nhau 3,36 lần. Kết quả này khác hoàn toàn với kết quả nghiên cứu của UNDP (12/1998), cho rằng ở những hộ trung bình mới nhận những tác động đáng kể; còn những hộ nghèo, hộ khá và giàu thì hầu như không tăng thu nhập, thậm chí còn giảm đi.

Bảng 5. Người làm ăn xa có đóng góp thu nhập gia đình - Phân theo nhóm thu nhập thêm

	Nhóm thu nhập					Tổng
	Thấp	Dưới trung bình	Trung bình	Trên trung bình	Cao	
Không có đóng góp	3	5	5	5	6	24
% theo cột	27.3	22.7	16.7	14.7	17.6	18.3
Có đóng góp	8	17	25	29	28	107
% theo cột	72.7	77.3	83.3	85.3	82.8	81.7
Tổng	11	22	30	34	34	131
% theo cột	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0

Nguồn: Khóa đào tạo phương pháp nghiên cứu Khoa học xã hội liên ngành 2003

Bảng 6. Mức đóng góp phân theo 5 nhóm thu nhập



Nguồn: Khóa đào tạo phương pháp nghiên cứu Khoa học xã hội liên ngành 2003

Những đóng góp của người làm ăn xa không chỉ đơn thuần giúp làm tăng thu nhập gia đình bằng số tiền được gửi về, mà từ nguồn đóng góp đó, nó đồng thời tạo những điều kiện làm tăng thu nhập ở địa phương (chủ yếu từ nông nghiệp); làm giảm những rủi ro của sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Từ các phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm cho thấy rằng, do có nguồn thu nhập từ làm ăn xa, các hộ gia đình có thể chọn thời điểm để bán lúa với giá hợp lý, hoặc có cơ hội để tích trữ dành cho khoản chi tiêu lớn. Như một nông dân đã nói:

Nguồn tu nhập từ đi làm ăn xa giúp: “(...) *trang trải những thứ, thí dụ như là trang trải không phải bán lúa, hay là để lúc nào nó đắt hơn một tý thì bán có giá hơn. Chứ không lúc nó rẻ 17, 18 (ngàn đồng một tạ thóc - ND) đã bán, chả được bao nhiêu. Đến khi nó 21, 22 (ngàn đồng một tạ thóc - ND) thì lúc đấy vài ba chục nghìn một tạ (thóc - ND), thì được cái tiền ấy mình chi. Thế còn lúc ấy mình bán có cái đồng vốn tích trữ vào thì mỗi năm có thể nó cũng phục vụ con cái ăn học, may ra nó còn thừa ra một tý chút*” (Một nông dân có con làm ăn xa ở thôn Bùi, thảo luận nhóm B).

Hay như một Trưởng thôn cũng cho biết:

“(...) *Người ta đi làm ăn xa để có khoản tiền chi tiêu, mua máy móc phát triển ngành nghề, thì người ta tạm thời người ta vay người ta mua, sau đó người ta để cho người phụ nữ, một người ở nhà làm, người kia phải đi làm để kiếm thêm để trả cho cái vốn đó*” (Một trưởng thôn ở Trịnh Xá, thảo luận nhóm tập trung).

Tóm lại, đóng góp từ làm ăn xa đã góp phần làm tăng thu nhập hộ gia đình quê gốc của người làm ăn xa. Tuy nhiên, sự đóng góp này không xảy ra đều ở các cá nhân làm ăn xa, mà tùy những đặc trưng, những điều kiện khác nhau của từng cá nhân đã tác động khác nhau đến việc họ có đóng góp hay không, độ thường xuyên đóng góp như thế nào. Phần lớn những người làm ăn xa có đóng góp cho thu nhập gia đình của họ. Nhưng thường những người làm ăn xa đã kết hôn có đóng góp cho thu nhập gia đình và đóng góp thường xuyên hơn so với những người làm ăn xa chưa lập gia đình. Số thế hệ, số nhân khẩu trong gia đình và khoảng cách di chuyển của người làm ăn xa cũng là những điều kiện tác động đến việc họ có đóng góp hay không và mức độ đóng góp thường xuyên như thế nào.

Tính chất mùa vụ đã giúp giảm thiểu những rủi ro cho những người đi làm ăn xa. Vì khi họ đi tranh thủ được lúc nông nhàn, và khi việc nông cần người thì họ lại về. Bên cạnh, nếu không thể tìm được việc làm ở nơi đến thì họ cũng dễ dàng quay về với việc nhà nông. Do đó, việc làm ăn xa không gây ảnh hưởng mấy đến sản xuất nông nghiệp. Do tình trạng kinh tế còn thấp, đi làm ăn xa là một biện pháp tăng thu nhập, giải quyết lao động trong thời gian nông nhàn ở Trịnh Xá. Phương án tạo thu nhập từ làm ăn xa đã và đang góp phần tạo sự cân bằng thu nhập giữa các hộ gia đình, sự phát triển kinh tế chung của địa phương, và thúc đẩy xoá đói giảm nghèo bằng con đường tự lực.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Chính: *Biến đổi kinh tế - xã hội và vấn đề di chuyển lao động nông thôn - đô thị ở miền Bắc Việt Nam*. Tạp chí *Xã hội học*, số 2 (58), 1997.
2. Nguyễn Văn Chính: *Di dân nội địa ở Việt Nam - các chiến lược sinh tồn và các khuôn mẫu đang thay đổi*. TS. Quỳnh Trân và TS. Nguyễn Thế Nghĩa (chủ biên): “Phát triển đô thị bền vững”. Nxb Khoa học xã hội - 2002. Tr. 115 - 151.

3. Doãn Mậu Diệp, Trịnh Khắc Thâm: *Di dân nông thôn, đô thị ở Việt Nam: Bản chất, mối quan hệ và chính sách quản lý*. Đỗ Văn Hoà và cộng sự (chủ biên): “Chính sách di dân ở châu Á”. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội – 1998. Pp. 103 - 115.
4. Douglas Massey, Refael Alarcón, Jorge Durand & Humberto González: *Ructurn to Aztlan - The Social Process of International Migration from Western Mexico*. University of Canifornia Press, Berkeley - LosAngeles - London, 1990.
5. Douglas Massey: *Các nguồn gốc xã hội kinh tế của nhập cư*. Trong John Knodel, Phạm Bích San, Perter Donadson và Charles Hirschman (chủ biên): *Tuyển tập các công trình chọn lọc trong dân số học xã hội*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội - 1994, tr. 436 - 456.
6. Ernesto M. Pernia (edited): *Urban Poverty in Asia - A Survey of Critical Issues*. Hong Kong, Oxford University Press, Oxford New York, 1994.
7. Lê Minh Tâm, Nguyễn Đức Vinh: *Tiền gửi cho gia đình và phân phối thu nhập*. Haughton D., Jonathan Haughton, Trương Thị Kim Chuyên, Nguyệt Nga: *Hộ gia đình Việt Nam, nhìn qua phân tích định lượng*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1995, tr. 161 - 193.
8. Tổng cục Thống kê: *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999 - chuyên khảo về di cư nội địa và đô thị hóa ở Việt Nam*. Nxb Thống kê, Hà Nội - 2001.
9. Thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 1998.
10. UNDP: *The Dynamics of Internal Migration in Viet Nam*. Ha Noi - Viet Nam, December, 1998.
11. Trần Hồng Vân: *Tác động xã hội của di cư tự do vào thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới*. Nxb Khoa học xã hội, 2002.